

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Bình,
- Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đ (nay là thôn ĐN), xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Quang H2, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn Đ (nay là thôn ĐN), xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Quang H2 kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 23 tháng 4 năm 20013. Anh chị chung sống hòa thuận với nhau được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan

điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị H yêu cầu được ly hôn anh H2. Anh chị có 02 con chung là Lê Quang Tuấn K, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Lê Cẩm T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2015. Do các con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên khi ly hôn, chị H nhận trực tiếp nuôi cả 02 con. Chị H tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con với anh H2, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu anh H2 giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập anh H2 đến làm việc nhưng anh H2 không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Chị H và anh H2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Quang theo quy định pháp luật. Anh chị chung sống được khoảng hơn 02 năm đầu thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất hoà do anh H2 ham chơi, không chịu làm ăn, hay đánh chửi chị H nên vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi nhau. Đầu năm 2022, do mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 02 con chung hiện do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Anh H2 hiện đi làm xa nhà, thu nhập chủ yếu phục vụ nhu cầu cá nhân, ít khi chăm lo cho gia đình, vợ con, không đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con.

Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ; mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã tổng đạt các tài liệu, thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên toà không có lý do là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho

chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Quang H2; giao con chung Lê Quang Tuấn K, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Lê Cẩm T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Lê Quang H2 là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh H2) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh H2; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho anh H2 thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh H2 không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự tự mình từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn (chị H) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh H2) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh H2.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Quang H2 được xác lập từ ngày 23 tháng 4 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H2 ham chơi, không chịu làm ăn, hay đánh chửi chị H nên vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài (từ đầu năm 2022 đến nay), không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị H là có

căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị H được ly hôn anh H2.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Quang Tuấn K, sinh ngày 14/11/2013 và Lê Cẩm T, sinh ngày 30/9/2015. Kể từ khi ly thân, các con do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt; anh H2 không thường xuyên quan tâm chăm sóc đến các con. Chị H hiện làm công nhân, có thu nhập ổn định; anh H2 hiện đi làm xa, thu nhập không ổn định, không thường xuyên ở nhà nên hạn chế trong việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Do đó điều kiện trực tiếp nuôi con hiện nay của chị H tốt hơn anh H2. Mặt khác, các con chung của anh chị đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H giao cả 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện nuôi con thực tế và phù hợp với nguyện vọng của các con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao con Lê Quang Tuấn K và Lê Cẩm T cho chị H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, chị H xin tự thỏa thuận với anh H2, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị H xác nhận anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Quang H2.

2. Về con chung: Giao con Lê Quang Tuấn K, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Lê Cẩm T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006459 ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị H, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Bình

Nguyễn Hữu Bình

Phạm Thị Huyền Trang

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 01/2013);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang

